

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST.  
Ngày 29 tháng 01 năm 2021.  
“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hà Giang;

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020; Về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Khu 8, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh K, CHIEN – T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện N, lãnh thổ Đài Loan. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Đ trình bày:* Chị và anh K, CHIEN – T đăng ký kết hôn ngày 16/6/2014 tại UBND tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hợp nhau, ngôn ngữ bất đồng nên chị và anh K, CHIEN – T không thể chung sống với nhau được nữa. Từ năm 2016 chị về Việt Nam sinh sống và không còn liên lạc gì với anh K, CHIEN – T nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K, CHIEN – T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung là K, DONG – C; sinh ngày 05 tháng 4 năm 2014. Hiện nay đang ở với anh K, CHIEN – T. Khi ly hôn chị Đ nhất trí để anh K, CHIEN – T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về các chi phí tố tụng liên quan đến phiên dịch, chi phí ủy thác tư pháp chị Đ tự nguyện xin chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

- Phía bị đơn là anh K, CHIEN – T có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hiện không có ở Việt Nam. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành ủy thác tư pháp đến cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan để tổng đạt thông báo thụ lý, thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Theo như kết quả ủy thác được cơ quan có thẩm quyền Đài Loan gửi về thì xác định Tòa án quận Nantou (N) Đài Loan đã chuyển giao thành công hồ sơ vào ngày 02/9/2020, phương thức chuyển giao cho người sống chung. Nhưng anh K, CHIEN – T không hợp tác và cũng không có quan điểm gì thể hiện bằng văn bản.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tạm ứng tiền chi phí ủy thác và các chi phí cho việc phiên dịch, chị Đ tự nguyện xin chịu toàn bộ các chi phí này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình 2014, nghị quyết 326/2016/UBTV – QH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Về quan hệ hôn nhân: xử cho Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh K, CHIEN – T.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Do Chị Nguyễn Thị Đ không đề nghị nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về chi phí cho người phiên dịch: Chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài nên thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam được quy định tại điểm b khoản 1 điều 470; Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh K, CHIEN – T không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh K, CHIEN – T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/6/2014 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa Chị Nguyễn Thị Đ và anh K, CHIEN – T sống chung được một thời gian ngắn tại Đài Loan, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, ngôn ngữ bất đồng nên Chị Nguyễn Thị Đ và anh K, CHIEN – T không thể chung sống với nhau được nữa. Từ năm 2016 Chị Nguyễn Thị Đ về Việt Nam sinh sống và không còn liên lạc gì với anh K, CHIEN – T. Do anh K, CHIEN – T không có mặt tại Việt Nam nên Tòa án đã ủy thác tư pháp đến cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan để tổng đạt thông báo thụ lý và thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Theo như kết quả ủy thác được cơ quan có thẩm quyền Đài Loan gửi về thì xác định Tòa án quận Nantou (N) Đài Loan đã chuyển giao thành công hồ sơ vào ngày 02/9/2020, phương thức chuyển giao cho người sống chung và được xem là tổng đạt hợp lệ. Việc anh K, CHIEN – T không có phản hồi chứng tỏ anh cũng không có ý hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị Nguyễn Thị Đ và anh K, CHIEN – T được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Theo lời khai của chị Đ thì vợ chồng có 01 (Một) con chung là K, DONG – C, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2014 và hiện tại đang ở với anh K, CHIEN – T. Ngoài lời khai của chị Đ ra thì chị Đ cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác như giấy khai sinh của con, hơn nữa chị Đ cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Đ không đề nghị xem xét nên không đặt ra giải quyết.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí cho người phiên dịch: Chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện xin chịu toàn bộ và không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 điều 470; Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 3 Điều 153 khoản 1,2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh K, CHIEN – T.

[2]. Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Xác nhận Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004218 ngày 08/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đại phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Đại đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004094 ngày 24/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của anh K, CHIEN – T là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thị Hảo**

**Nguyễn Thị Phẩm**

**Nguyễn Hà Giang**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đơn vị;
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hà Giang**